

BỘ CÔNG NGHIỆP
Số: 42/2002/QĐ-BCN

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;
Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 45/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về hoạt động điện lực và sử dụng điện;
Căn cứ Nghị định số 17/HĐBT ngày 16 tháng 1 năm 1993 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn công nghiệp,

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định kiểm tra cung ứng, sử dụng điện và xử lý vi phạm hợp đồng mua bán điện.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 96/NL-GSĐN ngày 26 tháng 1 năm 1988 của Bộ trưởng Bộ Năng lượng.
- Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.
- Điều 3.** Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị

- Điều 1.** Phạm vi, đối tượng điều chỉnh.
- Quy định này quy định trình tự, thủ tục kiểm tra cung ứng, sử dụng điện và xử lý vi phạm hợp đồng mua bán điện áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp điện.
- Điều 2.** Quyền kiểm tra cung ứng, sử dụng điện.
1. Thanh tra viên điện lực, kiểm tra viên điện lực của các cơ quan quản lý nhà nước về điện có quyền kiểm tra cung ứng, sử dụng điện.
2. Kiểm tra viên điện lực của các doanh nghiệp kinh doanh bán điện có quyền kiểm tra sử dụng điện.
- Điều 3.** Hội đồng xử lý vi phạm cung ứng và sử dụng điện.
1. Hội đồng xử lý vi phạm cung ứng và sử dụng điện (sau đây gọi là Hội đồng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Hội đồng) thành lập.
2. Hội đồng có trách nhiệm giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện khi hai bên ký kết hợp đồng không tự giải quyết được nhưng chưa cần đưa ra cơ quan tài phán.
3. Thành phần của Hội đồng bao gồm:
- a) Chủ tịch Hội đồng: lãnh đạo Sở Công nghiệp.
- b) Các ủy viên Hội đồng gồm có:
- Trưởng Phòng Quản lý điện Sở Công nghiệp hoặc cán bộ chuyên trách về điện thuộc Sở Công nghiệp là ủy viên thường trực;
- Chánh Thanh tra hoặc thanh tra viên điện lực Sở Công nghiệp là ủy viên;
- Các ủy viên khác là đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giá, về đo lường, đại diện cơ quan tư pháp, đại diện Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng do Chủ tịch Hội đồng đề nghị.
4. Chủ tịch Hội đồng sử dụng bộ máy chuyên môn của Sở Công nghiệp giúp việc cho Hội đồng và được phép sử dụng con dấu của Sở Công nghiệp.
- Điều 4.** Giải thích từ ngữ.
- Trong quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan mà bên vi phạm không thể kiểm soát được, không thể lường trước được và không thể tránh được, mặc dù đã cố gắng hết sức.
2. Trộm cắp điện quá tang là hành vi trộm cắp điện bị phát hiện khi đang thực hiện với chứng cứ rõ ràng (hiện trường, tang vật phạm pháp).

Điều 5.Nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm tra viên điện lực Bộ Công nghiệp.

Kiểm tra viên điện lực Bộ Công nghiệp thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn do các cơ quan có thẩm quyền giao, bao gồm:

1. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về cung ứng và sử dụng điện trong phạm vi cả nước.
2. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các kiểm tra viên điện lực Sở Công nghiệp và kiểm tra viên điện lực của doanh nghiệp kinh doanh bán điện.
3. Kiểm tra bên cung ứng điện về việc thực hiện các quy định của Nhà nước về giá điện, cung ứng điện an toàn, ổn định, đảm bảo số lượng và chất lượng điện cho bên.
4. Kiểm tra bên sử dụng điện về việc thực hiện các quy định của Nhà nước về giá điện, sử dụng điện hợp pháp, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.
5. Yêu cầu bên cung ứng hoặc bên sử dụng điện cho ngừng vận hành các thiết bị không đảm bảo an toàn, không đảm bảo kỹ thuật và cho cắt ngay các thiết bị điện đang.
6. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý.
7. Lập biên bản kiểm tra cung ứng điện hoặc biên bản kiểm tra sử dụng điện (sau đây gọi chung là biên bản kiểm tra) khi tiến hành kiểm tra tổ chức, cá nhân cung ứng.
8. Phối hợp với cơ quan liên quan xác minh, lập biên bản, kiến nghị giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về cung ứng, sử dụng điện.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm tra viên điện lực Sở Công nghiệp.

Kiểm tra viên điện lực Sở Công nghiệp thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn do các cơ quan có thẩm quyền giao, bao gồm:

1. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về cung ứng và sử dụng điện trên địa bàn quản lý của mình.
2. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các kiểm tra viên điện lực của doanh nghiệp kinh doanh bán điện hoạt động trên địa bàn tỉnh.
3. Kiểm tra bên cung ứng điện về việc thực hiện các quy định của Nhà nước về giá điện, về cung ứng điện an toàn, ổn định, đảm bảo số lượng và chất lượng điện cho b
4. Kiểm tra bên sử dụng điện về việc thực hiện các quy định của Nhà nước về giá điện, sử dụng điện hợp pháp, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.
5. Yêu cầu bên cung ứng hoặc bên sử dụng điện cho ngừng vận hành các thiết bị không đảm bảo an toàn, không đảm bảo kỹ thuật và cho cắt ngay các thiết bị điện đ
6. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý.
7. Lập biên bản kiểm tra khi tiến hành kiểm tra tổ chức, cá nhân cung ứng, sử dụng điện và chuyển biên bản kiểm tra tới cơ quan chức năng theo quy định tại Điều 31 c
8. Phối hợp với cơ quan liên quan xác minh, lập biên bản, kiến nghị giải quyết đ

Điều 7.Nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm tra viên điện lực của các doanh nghiệp kinhdoanh bán điện.

Kiểm tra viên điện lực của các doanh nghiệp kinh doanh bán điện thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc doanh nghiệp giao, bao gồm:

1. Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng mua bán điện, kiểm tra việc sử dụng điện của tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý kinh doanh của mình.
2. Kiểm tra bên mua điện thực hiện việc tiết giảm công suất điện đang sử dụng xuống công suất hạn chế theo thông báo của bên bán điện hoặc khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
3. Yêu cầu bên mua điện chấp hành nghiêm chỉnh chế độ chính sách, quy định về sử dụng điện.
4. Yêu cầu bên mua điện cho ngừng vận hành các thiết bị không đảm bảo an toàn, không đảm bảo kỹ thuật và cho cắt ngay các thiết bị điện đang vận hành khi phát hiện sự cố.
5. Yêu cầu bên mua điện cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho công tác kiểm tra.
6. Lập biên bản kiểm tra khi tiến hành kiểm tra tổ chức, cá nhân sử dụng điện và chuyển biên bản kiểm tra tới cơ quan chức năng theo quy định tại Điều 31 của Quy định.

Điều 8. Tiêu chuẩn kiểm tra viên điện lực.

1. Tiêu chuẩn kiểm tra viên điện lực của các cơ quan quản lý nhà nước về điện:

- a. Có trình độ đại học về điện trở nên;
- b. Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về điện hoặc làm công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh điện từ năm năm trở lên
- c. Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức pháp luật về cung ứng và sử dụng điện;
- d) Nắm vững các quy trình, quy phạm kỹ thuật về điện, an toàn điện, các quy định về công tác kiểm tra cung ứng, sử dụng điện. Có khả năng nghiên cứu, phát hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý kinh doanh điện.
- đ. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

2. Tiêu chuẩn kiểm tra viên điện lực của các doanh nghiệp kinh doanh bán điện:

- a. Có trình độ trung cấp về điện trở lên;
- b. Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý lưới điện, phân phối và kinh doanh điện từ ba năm trở lên;
- c. Nắm vững các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật điện, an toàn điện, các quy định hiện hành về cung ứng và sử dụng điện. Có khả năng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ mới;
- d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan.

Điều 9.Bồi dưỡng, kiểm tra, sát hạch kiểm tra viên điện lực.

- 1.Cục Kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn công nghiệp tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra, sát hạch kiểm tra viên điện lực của Bộ Công nghiệp, các Sở Công nghiệp, Tổng công ty Công nghiệp tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra, sát hạch kiểm tra viên điện lực của các doanh nghiệp kinh doanh bán điện thuộc địa phương, trình độ để bồi dưỡng và kiểm tra sát hạch các kiểm tra viên điện lực.

3.Việc kiểm tra, sát hạch định kỳ được tiến hành ba năm một lần; kiểm tra viêndiện lực chỉ được cấp Thẻ khi đạt yêu cầu trong các kỳ kiểm tra sát hạch.

Điều 10.Thẩm quyền cấp thẻ kiểm tra viên điện lực.

- 1.Thẻ kiểm tra viên điện lực của các kiểm tra viên thuộc Bộ Công nghiệp và Sở Công nghiệp do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp cấp theo đề nghịcủa
- 2.Để thống nhất và tăng cường hiệu lực quản lý đội ngũ kiểm tra viên điện lựcthuộc các doanh nghiệp kinh doanh bán điện, đảm bảo quyền và lợi ích hợp phápcủa có
- a.Bộ trưởng Bộ Công nghiệp quyết định côngnhận kiểm tra viên điện lực của Tổng công ty Điện lực Việt Nam và các doanhnghiệp kir vùng, miền do Tổng công ty quảnlý; Giám đốc các doanh nghiệp kinh doanh bán điện theo vùng, miền ngoài Tổngcông ty Điện lực V
- b.Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận kiểm tra viên điện lực củacác doanh nghiệp kinh doanh bán điện trong phạm vi một tỉnh theo đề nghị củaGián
- Căn cứ quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các doanh nghiệp kinhdoanh bán điện cấp thẻ cho các kiểm tra viên điện lực của mình.

Điều 11.Trình tự, thủ tục cấp thẻ và thu hồi thẻ kiểm tra viên điện lực.

- 1.Trình tự, thủ tục cấp thẻ kiểm tra viên điện lực:
 - a.Thủ trưởng đơn vị có chức năng kiểm tra cung ứng, sử dụng điện tuyển chọn kiểmtra viên điện lực của đơn vị theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 và chịtưách 1
 - b.Đơn vị có chức năng kiểm tra cung ứng, sử dụng điện tổng hợp danh sách và hồ sodeề nghị xét chọn kiểm tra viên điện lực để gửi các cơ quan, cụ thể như sau:
Hồ sơ kiểm tra viên điện lực của các Sở Công nghiệp, Tổng công ty Điện lực Việt Nam và các doanh nghiệpkinh doanh bán điện theo vùng, miền gửi về Cục Kiểm tra
 - Hồ sơ kiểm tra viên điện lực của các doanh nghiệp kinh doanh bán điện trong phạmvì một tỉnh gửi về SởCông nghiệp.
 - c.Hồ sơ của kiểm tra viên điện lựcbao gồm: Văn bản đề nghị cấp thẻ kiểm tra viên điện lực của thủ trưởng đơn vịcó chức năng kiểm t
- Bànsao hợp lệ bằng tốt nghiệp;
- Giấychứng nhận đạt yêu cầu sát hạch kiểm tra viên điện lực;
- Soyếu lý lịch có nhận xét đánh giá của Thủ trưởng đơn vị.

- 2.Thủ tục thu hồi thẻ kiểm tra viên điện lực:
 - a.Thẻ kiểm tra viên điện lực bị thu hồi trong các trường hợp sau:
Thẻkiểm tra viên điện lực đã hết hạn sử dụng.
Kiểmtra viên điện lực chuyển làm công tác khác hoặc chuyển công tác sang địa bànkhác.
Kiểmtra viên điện lực mắc sai phạm nghiêm trọng trong công tác kiểm tra cung ứng,sử dụng điện.
 - b.Những người bị thu hồi thẻ kiểm tra viên điện lực có nghĩa vụ nộp lại thẻ choThủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp để chuyển về cơ quan cấp thẻ. Trường họpkiểm tr
 - c.Cơ quan, doanh nghiệp cấp thẻ kiểmtra viên điện lực có quyền thu hồi thẻ đã cấp và thông báo đến cơ quan có liênquan danh sách

Điều 12.Mẫu thẻ và thời hạn sử dụng thẻ kiểm tra viên điện lực.

- 1.Thẻ kiểm tra viên điện lực có kích thước 75 mm x 100 mm được quy định tại Phụ lục số 1 của Quy định này và có giá trị sử dụng trong ba năm.
- 2.Kiểm tra viên điện lực thuộc cơ quan quản lý nhà nước sử dụng thẻ kiểm tra viêndiện lực màu hồng.
- 3.Kiểm tra viên điện lực thuộc các doanh nghiệp kinh doanh bán điện sử dụng thêkiểm tra viên điện lực màu vàng.

Điều 13.Trách nhiệm pháp lý của kiểm tra viên điện lực.

Kiểmtra viên điện lực chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi của mìnhtrong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Nếu kiểm tra viên điện lực vi phạm quyđịnh c

Điều 14.Trách nhiệm của Cục Kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn công nghiệp và Sở Côngnghiệp.

- 1.Cục Kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn công nghiệp là cơ quan tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công nghiệp chỉ đạo thống nhấtvề chuyên môn, nghi
- a.Tổ chức kiểm tra, giám sát việcthực hiện các quy định về công tác kiểm tra cung ứng, sử dụng điện và xử lý viphạm hợp đồng mua
- b.Tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra, sáthạch về chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm tra viên điện lực do Bộ Công nghiệp cấp thẻ;
- c.Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ và thu hồi thẻ kiểm tra viên điện lực theo quyđịnh tại Điều 11 của Quy định này; kiểm tra, giám sát việc cấp thẻ và thu hỏithẻ kiểm
- 2.Sở Công nghiệp là cơ quan tham mưugiúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ đối với công tác kiểmtra cung ứr
- a.Tổ chức kiểm tra, giám sát việcthực hiện các quy định về công tác kiểm tra cung ứng, sử dụng điện và xử lý viphạm hợp đồng mua
- b.Tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra, sáthạch về chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm tra viên điện lực để các doanhnghiệp cấp thẻ t
- c.Tiếp nhận hồ sơ kiểm tra viên điện lực của các doanh nghiệp kinh doanh bán điệnthrình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận để doanh nghiệp cấpth

Điều 15.Hành vi vi phạm hợp đồng mua bán điện.

- 1.Các hành vi vi phạm hợp đồng của bên bán điện bao gồm:
 - a.Tri hoãn việc cấp điện theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điệndã ký;
 - b.Không đảm bảo chất lượng điện, tính ổn định trong cấp điện theo hợp đồng đã kýtrừ trường hợp bất khả kháng;
 - c.Gây sự cố chủ quan trên lưới điện trực tiếp dẫn đến làm hư hỏng thiết bị củabên mua điện;

d.Ghi chỉ số điện năng sai, tính toán hóa đơn sai, bán sai giá quy định;

đ.Tri hoãn không bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho bên mua điệntheo thỏa thuận trong hợp đồng;

e.Vi phạm các thỏa thuận khác trong hợp đồng mua bán điện.

2.Các hành vi vi phạm hợp đồng của bên mua điện bao gồm:

a.Tri hoãn việc thực hiện hợp đồng đã ký trong trường hợp mua buôn điện để bánlại cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện khác;

b.Sử dụng điện sai mục đích có mức giá cao hơn mức giá đã thỏa thuận trong hợpđồng;

c.Gây sự cố lưới điện hoặc làm hư hỏng thiết bị của bên bán điện;

d.Không thực hiện cắt giảm công suất khi có yêu cầu của bên bán điện do sự cố bấtkhả kháng;

đ.Sử dụng quá công suất đã đăng ký trong biểu đồ phụ tải được ghi trong hợp đỒNGmua bán điện vào giờ cao điểm;

e.Chậm trả tiền điện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 39 Nghị định số45/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về hoạt động điện lực và sử dụng điện;

g.Tri hoãn không bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho bên bán điệntheo thỏa thuận trong hợp đồng;

h.Không thông báo ngay cho bên bán điện khi phát hiện thiết bị đo đếm điện bị hứnghoặc nghi ngờ hoạt động không chính xác dẫn đến việc tính toán hóa đơn sai;

i.Trộm cắp điện dưới mọi hình thức;

k.Vi phạm các thỏa thuận khác trong hợp đồng mua bán điện.

Điều 16.Các hành vi vi phạm hành chính và hình sự trong cung ứng và sử dụng điện đượcxử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 17.Hình thức kiểm tra cung ứng, sử dụng điện.

1.Việc kiểm tra cung ứng, sử dụng điện đối với tổ chức, cá nhân được tiến hànhtheo hình thức kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.

2.Kiểm tra định kỳ là hình thức kiểm tra được thông báo trước cho tổ chức, cánhân cung ứng, sử dụng điện biết. Kiểm tra định kỳ không quá một lần về cùngmôt nội dung trong năm.

3.Kiểm tra đột xuất là hình thức kiểm tra không thông báo trước được thực hiệnkhi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc của doanhnh nghiệp.

Khikiểm tra sử dụng điện đột xuất, bên kiểm tra chỉ được phép vào nhà dân kiểm tranhững việc liên quan đến sử dụng điện như: an toàn điện, mục đích sử dụng điện

Điều 18.Thủ tục kiểm tra cung ứng, sử dụng điện.

1.Chỉ người có quyền quy định tại Điều 2 của Quy định này mới được tiến hành kiểmtra và lập biên bản kiểm tra thuộc phạm vi do mình quản lý.

2.Bên kiểm tra phải có từ hai người trở lên.

Ngườiphụ trách phải xuất trình thẻ kiểm tra viên điện lực hoặc thẻ thanh tra viêndiện lực và thông báo nội dung kiểm tra cho bên được kiểm tra biết. Việc kiểmtra của thanh tra viên điện lực phải được tiến hành theo quy định của pháp luật về thanh tra.

3.Việc kiểm tra phải được tiến hành với sự có mặt của bên được kiểm tra. Trườnghợp bên được kiểm tra vắng mặt thì kiểm tra viên điện lực hoặc thanh tra viêndiện lực phải lập biên bản kiểm tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.

4.Khi phát hiện hành vi trộm cắp điện quá tang, kiểm tra viên điện lực được phépthực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ hiện trường trước khi xuất trìnhthẻ kiểm tra và lập biên bản kiểm tra.

5.Kiểm tra viên điện lực phải lập biên bản kiểm tra và ghi đầy đủ các nội dung đăkiểm tra theo mẫu tại Phụ lục số 2 hoặc Phụ lục số 3 của Quy định này. Trongthời gian kiểm tra, kiểm tra viên điện lực phải có mặt tại địa điểm kiểm tra.

Điều 19.Biên bản kiểm tra.

1.Biên bản kiểm tra được lập thành ba bản theo mẫu quy định và được ghi số thứ tưởể quản lý, bên kiểm tra giữ hai bản, bên được kiểm tra giữ một bản. Tất cả cácbản biên bản kiểm tra phải được lập thành ba bản theo mẫu quy định và được ghi số thứ tự để quản lý.

2.Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm cung ứng hoặc sử dụng điện, trong biênbản phải mô tả rõ, đầy đủ, chính xác từng hành vi vi phạm.

3.Biên bản kiểm tra phải ghi rõ họ và tên người tham gia kiểm tra, người của bēnđược kiểm tra. Nếu bên được kiểm tra không thống nhất với nội dung ghi trongbiên bản kiểm tra, người của bên được kiểm tra phải ghi rõ ý kiến phản đối.

4.Biên bản kiểm tra phải có đầy đủ chữ ký của kiểm tra viên điện lực, người củabên được kiểm tra và của những người làm chứng (nếu có).

Trườnghợp bên được kiểm tra không chịu ký biên bản thì người lập biên bản ghi vàobiên bản lý do bên được kiểm tra không ký, biên bản này vẫn có giá trị pháp lýđúng theo quy định của pháp luật.

Điều 20.Nội dung biên bản kiểm tra cung ứng điện.

Biênbản kiểm tra cung ứng điện phải ghi đầy đủ các nội dung chính đã kiểm tra, baogồm:

1.Chất lượng điện:

a.Điện áp:

Điệnáp được xác định bằng thiết bị đo điện áp trực tiếp hoặc gián tiếp do tổ chứccó chức năng kiểm định và kẹp chì niêm phong hoặc dán tem kiểm định. Điện áp đư

b.Tần số.

Tầnsố được xác định bằng thiết bị đo tần số đạt tiêu chuẩn do tổ chức có chứcnăngkiểm định và kẹp chì niêm phong hoặc dán tem kiểm định.

2.Hệ thống đo đếm điện năng: công tơ, máy biến điện áp đo lường, máy biến dòngđiện đo lường, sơ đồ đầu dây, tính nguyên vẹn chì niêm phong của hệ thống đođếm điện năng.

3.Tình trạng kỹ thuật của lưới điện bao gồm các thiết bị điện, dây dẫn, xà sứ,máy biến áp và các thiết bị liên quan khác.

4.Trách nhiệm trong công tác quản lý an toàn hành lang lưới điện.

5.Hợp đồng mua bán điện: việc thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng như giáđiện, mua bán công suất phản kháng, thời gian cấp điện, nghĩa vụ của bên bánđiện.

6.Thực hiện các quy định về trình tự và thủ tục ngừng cấp điện.

Điều 21.Nội dung biên bản kiểm tra sử dụng điện.

Biên bản kiểm tra sử dụng điện phải ghi đầy đủ các nội dung chính đã kiểm tra, bao gồm:

1.Điện áp:

Điềnpáp được xác định bằng thiết bị đo điện áp trực tiếp hoặc gián tiếp do tổ chứccó chức năng kiểm định và kẹp chì niêm phong hoặc dán tem kiểm định. Điện áp đư

2.Công suất:

Côngsuấtpáp được xác định bằng cách đo trực tiếp các trị số công suất tức thời. Cácthiết bị dùng để đo công suất phải được tổ chức có chức năng kiểm định và kẹpchì ni
Đổivớicông suất cao điểm tối thì đo ba lần tại thời điểm kiểm tra, sau đó lấy trị số công suất lớn nhất của một trong ba lần đo.

3.Hệ thống đo đếm điện năng: công tơ, máy biến điện áp đo lường, máy biến dòngđiện đo lường, sơ đồ đấu dây, tính nguyên vẹn chì niêm phong của hệ thống đođếm

4.Tình trạng kỹ thuật của lưới điện bao gồm tình trạng các thiết bị sử dụng điện,dây dẫn, xà sứ, trạm điện và các hồ sơ kỹ thuật kèm theo.

5.Tình trạng vi phạm các quy định về an toàn hành lang lưới điện.

6.Việc thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện về mục đích sử dụngđiện, mua bán công suất phản kháng, thanh toán tiền điện, biểu đồ phụ tải, sốhộ d

7.Đối với trường hợp trộm cắp điện, biên bản được lập theo các nội dung sau:

a.Ghi rõ hành vi trộm cắp;

b.Vẽ sơ đồ trộm cắp điện (câu móc, vô hiệu hóa thiết bị đo đếm điện năng...) cùngrớ các chứng cứ khác như ảnh chụp, băng ghi hình (nếu có) kèm theo biên bản;

c.Các thông số liên quan tới việc tính toán xử lý vi phạm sử dụng điện;

d.Nếu bên kiểm tra phải tạm giữ các phương tiện dùng để trộm cắp điện thì bênkiểm tra phải thực hiện niêm phong các phương tiện đó (giấy niêm phong phải cóchữ

đ.Tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm sử dụng điện cụ thể mà bên kiểmtraphải thực hiện các biện pháp để giữ nguyên hiện trường, yêu cầu bên sử dụn

Điều 22.Kiểm tra hệ thống đo điện năng.

Kiểmtrahệ thống đo đếm điện năng (công tơ, máy biến dòng điện đo lường, máy biểndiện áp đo lường, sơ đồ đấu dây) được thực hiện theo quy định sau:

1.Trường hợp phát hiện bên mua hoặc bên bán điện có hành vi làm hư hỏng hoặc sailệch hệ thống đo đếm điện năng, bên kiểm tra phải ghi rõ hành vi vi phạm và kết

2.Nếu hệ thống đo đếm điện năng bị hư hỏng hoặc có nghi ngờ hoạt động khác thường,bên kiểm tra thấy cần tháo thiết bị đo đếm điện năng về để kiểm tra thì việcth

a.Thông báo cho bên bán điện yêu cầu của bên kiểm tra cần tháo gỡ hệ thống đo đểmdiện năng để bên bán điện biết và cử người thực hiện;

b.Biên bản kiểm tra phải mô tả chi tiết hiện trạng, biểu hiện khác thường của hệthống đo đếm điện năng và lý do tháo hệ thống đo đếm điện năng;

c.Thiết bị đo đếm điện năng, chì niêm phong thu được phải giữ nguyên, bao gói vàniêm phong (giấy niêm phong có chữ ký của bên kiểm tra và các bên mua, bánđi

3.Khi kiểm định xác minh thiết bị đo đếm điện năng phải có sự chứng kiến của bênđược kiểm tra và phải lập biên bản kiểm định hệ thống đo đếm điện năng.

4.Trường hợp phải cắt chì niêm phong, nhất thiết phải lập biên bản có chứng kiểncủa bên mua, bán điện. Nếu bên được kiểm tra chưa đồng ý với kết luận kiểm địnht

Cáchxác định sản lượng điện năng trong trường hợp công tơ bị mất, hoạt động khôngchính xác hoặc ngừng hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Ngh

Điều 23.Trình tự xử lý vi phạm hợp đồng mua bán điện.

1.Sau khi nhận được biên bản kiểm tra, bên mua điện và bên bán điện tự thỏa thuậnviệc thanh toán các khoản tiền bồi thường, tiền phạt vi phạm đã cam kết trongh

2.Trong thời gian bảy ngày kể từ khi nhận được biên bản kiểm tra, nếu hai bênkhông tự thỏa thuận được các khoản tiền phạt, tiền bồi thường và trong hợp đợngcó th
Chậmnhất mười ngày kể từ khi nhận được đủ hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng tổ chức hòa giảigiữa hai bên hoặc ra kết luận yêu cầu xử lý.

3.Nếu một trong hai bên không nhất trí với kết luận của Hội đồng thì mỗi bên cóquyền khởi kiện tại tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

4.Trong quá trình xử lý vi phạm hợp đồng, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm hànhchính thì bên bị vi phạm hoặc Hội đồng chuyển hồ sơ đến Thanh tra Điện lựcthu

Điều 24.Nguyên tắc xử lý vi phạm hợp đồng mua bán điện.

1.Mức bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng phải được thỏa thuận tronghợp đồng mua bán điện.

2.Bên vi phạm hợp đồng phải thanh toán cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm hợpđồng và trong trường hợp có thiệt hại thì phải bồi thường những thiệt hại trựctiếp c

3.Trong một hợp đồng mua bán điện, mỗi loại hành vi vi phạm hợp đồng chỉ phảichịu một loại phạt do bên bị vi phạm hợp đồng bắt phạt. Nếu xảy ra đồng thờiniều

4.Cách xác định giá trị phản hợp đồng bị vi phạm, mức bồi thường thiệt hại, mứcphạt đối với từng hành vi vi phạm được quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27và Đ

5.Trường hợp hành vi vi phạm hợp đồng mua bán điện chưa được quy định cụ thể tạiQuy định này thì xử lý theo các quy định của pháp luật.

6.Thời hạn trả tiền bồi thường thiệt hại chậm nhất là ba mươi ngày, kể từ ngàychấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại, ngày có kết luận của Hội đồng hoặc ngàycó qu

Trongthời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được giấy đòi tiền phạt, bên vi phạmphải thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng cho bên bị vi phạm; nếu quá hạn, bên

7.Việc quản lý và sử dụng tiền phạt do vi phạm hợp đồng mua bán điện được thựchiện theo hướng dẫn của Bộ Côngnghiệp - Bộ Tài chính về quản lý và sử dụ

Điều 25. Xử lý hành vi vi phạm hợp đồng mua bán điện sinh hoạt.

Việcxử lý hành vi vi phạm hợp đồng mua bán điện sinh hoạt được căn cứ vào các thoathuận tại hợp đồng mua bán điện sinh hoạt đã ký giữa hai bên mua và bán điện

1.Trường hợp bên mua điện có hành vi trộm cắp điện dưới mọi hình thức thì xử lýnhư sau:

a.Bên mua điện phải bồi thường thiệt hại cho bên bán điện bằng giá trị sản lượngđiện bị mất do hành vi trộm cắp điện gây ra. Cách tính tiền bồi thường được quyđịnh

b.Bên mua điện phải thanh toán cho bên bán điện khoản tiền phạt vi phạm hợp đợngbằng 5% số tiền bồi thường thiệt hại do hành vi trộm cắp điện gây ra.